

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-PT

Ngày 06 - 12 - 2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh, bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 12/2024/DS-PT ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/TCDS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lò Văn S, sinh năm 1959 và bà Quảng Thị Quốc K, sinh năm 1962. Điều trú tại: Số nhà C, tổ V, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Lò Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, ngày 02/6/2022, ông T cho vợ chồng ông Sơn và bà K vay số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản 200.000.000 đồng và đưa tiền mặt 100.000.000 đồng; Thời

hạn thanh toán là: ngày 02/7/2022: Lãi suất: trả sau. Tuy nhiên, sau đó ông S và bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, từ ngày 02/6/2022 đến ngày 03/5/2024, ông S và bà K đã trả được 70.000.000 đồng tiền lãi cho ông T và không thực hiện trả số tiền nợ gốc.

Nay, ông Vũ Văn T yêu cầu ông Lò Văn S và bà Quảng Thị Quốc K tiếp tục trả số tiền nợ gốc còn lại là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng tiền gốc) và tiền lãi là 35.500.000đ (năm mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) tạm tính đến ngày khởi kiện.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lò Văn S và bà Quảng Thị Quốc K trình bày:*

Bị đơn đồng ý với nội dung trình bày tại đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc ông S và bà K có vay nợ ông Vũ Văn T số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản 200.000.000 đồng và đưa tiền mặt 100.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán là: ngày 02/7/2022. Lãi suất: trả sau. Tuy nhiên, ông S và bà K chỉ trả được tiền nợ lãi cho ông T, chứ chưa thanh toán tiền nợ gốc. Tính đến ngày 03/5/2024, ông S và bà K đã trả cho ông T được 70.000.000 đồng tiền lãi.

Quá trình vay nợ, ông bà đã đưa cho ông Vũ Văn T giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay trên, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 636819, sổ vào sổ cấp GCN: 00011 QD 4819/QĐ-UB do UBND thành phố S cấp ngày 30/9/2013 cho bà Đinh Thị H và ông Lê Văn Đ, trú tại: Bản T, xã NC, huyện M, tỉnh Sơn La, đăng ký thay đổi biến động theo hình thức chuyển nhượng cho bà Quảng Thị Quốc K, địa chỉ: Tổ 12, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La vào ngày 19/9/2016, tại thửa đất số 67a, tờ bản đồ số 57-P3 diện tích 125m², tại: Bản A, xã X, thành phố S, tỉnh Sơn La, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: Lâu dài.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 636820, sổ vào sổ cấp GCN: 00012 QD 4820/QĐ-UB do UBND thành phố S cấp ngày 30/9/2013 cho bà Đinh Thị H và ông Lê Văn Đ, trú tại: Bản T, xã NC, huyện M, tỉnh Sơn La, đăng ký thay đổi biến động theo hình thức chuyển nhượng cho bà Quảng Thị Quốc K, địa chỉ: Tổ 12, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La vào ngày 19/9/2016, tại thửa đất số 67b, tờ bản đồ số 57-P3, có diện tích 62.5m², tại: Bản A, xã X, thành phố S, tỉnh Sơn La. Mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: Lâu dài.

Do ông Vũ Văn T có đơn khởi kiện, yêu cầu bà Quảng Thị Quốc K, ông Lò Văn S phải trả nợ, ông S và bà K đề nghị được chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho ông Vũ Văn T để khấu trừ vào số tiền đang còn nợ, trường hợp ông T không

nhất trí thì ngay sau khi ông S, bà K trả được nợ, yêu cầu ông T phải trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông bà.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị O trình bày:* Bà là vợ ông Vũ Văn T, chồng bà cho vợ chồng ông S và bà K vay số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 02/6/2022. Ông S và bà K đã trả được 70.000.000 đồng tiền lãi cho ông T và vẫn còn nợ lại số tiền gốc. Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông bà. Mặc dù bà không ký vào Giấy vay tiền nhưng cũng biết sự việc chồng bà cho vay. Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/TCDS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; Điều 117, 119, 351, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2, Điều 5, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T: Buộc bị đơn ông Lò Văn S và bà Quảng Thị Quốc K phải trả cho nguyên đơn ông Vũ Văn T số tiền nợ gốc (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/8/2024) là: 296.400.000 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Ông Vũ Văn T có trách nhiệm trả lại cho bà Quảng Thị Quốc K 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 636819, số vào sổ cấp GCN: 00011 QĐ 4819/QĐ-UB do UBND thành phố S cấp ngày 30/9/2013 cho bà Đinh Thị H và ông Lê Văn Đ, trú tại: Bản T, xã NC, huyện M, tỉnh Sơn La, đăng ký thay đổi biến động theo hình thức chuyển nhượng cho bà Quảng Thị Quốc K, địa chỉ: Tổ 12, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La vào ngày 19/9/2016, tại thửa đất số 67a, tờ bản đồ số 57-P3, có diện tích 125m², tại bản A, xã X, thành phố S, tỉnh Sơn La, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13M 636820, số vào sổ cấp GCN: 00012 QĐ 4820/QĐ-UB do UBND thành phố S cấp ngày 30/9/2013 cho bà

Đinh Thị H và ông Lê Văn Đ, trú tại: Bản A, xã NC, huyện M, tỉnh Sơn La, đăng ký thay đổi biên động theo hình thức chuyển nhượng cho bà Quảng Thị Quốc K, địa chỉ: Tổ 12, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La vào ngày 19/9/2016, tại thửa đất số 676, tờ bản đồ số 57-P3, diện tích 62,5m², tại bản A, xã X, thành phố S, tỉnh Sơn La, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: Lâu dài.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2024 bị đơn ông Lò Văn S có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/TCDS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La.

Nội dung kháng cáo đề nghị xem xét Bản án sơ thẩm có sự nhầm lẫn giữa yêu cầu phản tố của bị đơn với ý kiến của bị đơn dẫn đến Tòa án không xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn mà chỉ xem đây là ý kiến của bị đơn sai sót này dẫn đến việc áp dụng pháp luật không đúng làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; đề nghị được miễn án phí với lý do bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự kèm theo tài liệu chứng minh.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn ông Lò Văn S giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Vũ Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lò Văn S. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị O đề nghị giữ giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Lò Văn S, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/TCDS-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S về án phí, miễn án phí cho bị đơn ông Lò Văn S, bà Quảng Thị Quốc K.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Vũ Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lò Văn S, bà Quảng Thị Quốc K phải trả số tiền vay và lãi phát sinh theo Giấy vay tiền ngày 02/6/2022. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, đúng quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lò Văn S có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của ông Lò Văn S được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lò Văn S:

Đối với khoản vay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Các bên đương sự đều thừa nhận, ông Vũ Văn T có cho ông Lò Văn S, bà Quảng Thị Quốc K vay số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy vay tiền kí kết giữa hai bên ngày 02/6/2022. Trong đó số tiền 200.000.000 đồng được ông T chuyển khoản vào số tài khoản 3456745678899 và 100.000.000 đồng được giao bằng tiền mặt, thời hạn thanh toán là ngày 02/7/2022, lãi suất: trả sau. Ông Lò Văn S, bà Quảng Thị Quốc K mới trả được tiền nợ lãi là 70.000.000đ, chưa thanh toán được tiền nợ gốc. Việc ký kết hợp đồng vay giữa các bên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật do đó hợp đồng có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn về việc xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 10/6/2024 bị đơn có nộp 01 đơn đề là Đơn yêu cầu phản tố có nội dung đề nghị nguyên đơn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất của bị đơn mà hiện nay nguyên đơn đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Thửa đất số 67a, tờ bản đồ số 57-P3, có diện tích 125m² tại bản A, xã X, thành phố S, tỉnh Sơn La và thửa đất số 67b, tờ bản đồ số 57-P3, có diện tích 62,5m² tại bản A, xã X, thành phố S, tỉnh Sơn La để trừ vào số tiền bị đơn đang nợ nguyên đơn theo Giấy vay tiền ngày 02/6/2022.

Xét thấy: Theo Giấy vay tiền ngày 02/6/2022 giữa các bên nguyên đơn ông Vũ Văn T và bị đơn ông Lò Văn S, bà Quảng Thị Quốc K không có thỏa thuận việc ông Vũ Văn T giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo cho khoản vay 300.000.000đ. Ngoài ra các bên không ký kết bất kỳ

hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thế chấp liên quan đến hai thửa đất trên, không thực hiện việc đăng ký thế chấp, chuyển nhượng về bất động sản tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật nên không có căn cứ xác định hai thửa đất nêu trên liên quan đến Giấy vay tiền ngày 02/6/2022.

Căn cứ theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Yêu cầu phản tố phải là để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn"* xét thấy, đây không phải là yêu cầu phản tố mà chỉ là ý kiến của bị đơn vì giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải do ý chí tự nguyện của hai bên nhưng nguyên đơn không nhất trí với đề nghị này của bị đơn và giữa các bên đương sự không có thỏa thuận liên quan đến hai thửa đất nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây chỉ là ý kiến của bị đơn, không phải yêu cầu phản tố là có căn cứ.

[2.2] Về việc xem xét miễn án phí dân sự của bị đơn ông Lò Văn S.

Bị đơn kháng cáo đề nghị xem xét được miễn án phí dân sự khi tham gia tố tụng tại Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy: ông Lò Văn S (sinh năm 1959) và bà Quàng Thị Quốc K (sinh năm 1962) đều là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về Hồ sơ đề nghị miễn, giảm tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án: *"1. Người đề nghị được miễn, giảm tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, án phí, lệ phí Tòa án thuộc trường hợp quy định tại Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết này **phải, có đơn đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm...**"* tại cấp sơ thẩm, ông S và bà K không có đơn đề nghị miễn án phí kèm theo các tài liệu căn cứ chứng minh thuộc đối tượng miễn án phí nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Sơn, bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không vi phạm.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Lò Văn S và bà Quàng Thị Quốc K mới có đơn đề nghị miễn án phí dân sự, kèm theo tài liệu chứng cứ chứng minh. Xét thấy, đề nghị của bị đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lò Văn S, sửa một phần bản án sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S về án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lò Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lò Văn S.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/TCDS-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, 119, 351, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2, Điều 5, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T: Buộc bị đơn ông Lò Văn S và bà Quàng Thị Quốc K phải trả cho nguyên đơn ông Vũ Văn T số tiền nợ gốc (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/8/2024) là: **296.400.000** đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Vũ Văn T có trách nhiệm trả lại cho bà Quàng Thị Quốc K 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 636819, sổ vào sổ cấp GCN: 00011 QD 4819/QĐ-UB do UBND thành phố S cấp ngày 30/9/2013 cho bà Đinh Thị H và ông Lê Văn Đ, trú tại: Bản T, xã NC, huyện M, tỉnh Sơn La, đăng ký thay đổi biến động theo hình thức chuyển nhượng cho bà Quàng Thị Quốc K, địa chỉ: Tổ 12, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La vào ngày 19/9/2016, tại thửa đất số 67a, tờ bản đồ số 57-P3, có diện tích 125m², tại bản A, xã X,

thành phố S, tỉnh Sơn La, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13M 636820, số vào sổ cấp GCN: 00012 QD 4820/QĐ-UB do UBND thành phố S cấp ngày 30/9/2013 cho bà Đinh Thị H và ông Lê Văn Đ, trú tại: Bản T, xã NC, huyện M, tỉnh Sơn La, đăng ký thay đổi biến động theo hình thức chuyển nhượng cho bà Quảng Thị Quốc K, địa chỉ: Tổ 12, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La vào ngày 19/9/2016, tại thửa đất số 676, tờ bản đồ số 57-P3, diện tích 62,5m², tại bản A, xã X, thành phố S, tỉnh Sơn La, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: Lâu dài.

Bị đơn ông Lò Văn S và bà Quảng Thị Quốc K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.820.000 đồng (mười bốn triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Trả lại cho nguyên đơn ông Vũ Văn T số tiền 8.375.000 đồng (tám triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001475 ngày 14/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sơn La

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lò Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06/12/2024).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền

Phạm Tuấn Minh

Điêu Thị Kim Liên